

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày 13/01/2022

V/v: “*tranh chấp Hợp đồng  
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh, ông Chu Quốc Đạt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ N Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2021/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2021/QĐST-DS ngày 08/12/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 119/2021/QĐST-DS ngày 28/12/2021 giữa:

**\* *Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: thôn VT, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

**\* *Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Bà làm nghề buôn bán kinh doanh các loại mặt hàng từ Lạng Sơn về Bắc Giang. Trong khoảng thời gian năm 2016 bà nhiều lần lấy mặt hàng quần áo từ Lạng Sơn về bán cho chị N tại chợ Vôi. Khi bán quần áo cho chị N thì hai bên thỏa thuận trả T mặt theo từng đợt giao hàng. Nhưng mỗi lần giao hàng thì chị N chỉ trả một phần và còn nợ lại. Việc mua bán trả T, số T còn nợ lại giữa bà và chị N đều được ghi chép trong sổ theo dõi bán hàng của bà. Những lần chị N trả T thì đều ghi số T thanh toán trong sổ như bà đã cung cấp cho Tòa án. Tính đến ngày 15/8/2016 chị N không lấy mặt hàng quần áo nữa và còn nợ bà số T là 5.740.000đ. Vào khoảng cuối năm 2016 chị N có thanh toán trả cho bà được số T là 1.000.000đ, còn nợ lại 4.740.000đ và có ký nhận nợ trong sổ theo dõi bán hàng. Kể từ đó đến nay mặc dù

bà đã rất nhiều lần đến gặp chị N đòi T nhưng chị N khất lần không trả. Khoảng năm 2020 bà nhiều lần qua chợ Vôi đòi T thì chị dâu và cũng là người thuê lại ki ốt của chị N là bà Liễu có trả thay cho chị N số T 1.000.000đ. Tính đến nay chị N còn nợ bà số T là 3.740.000đ. Vì vậy, bà yêu cầu chị N phải thanh toán trả cho bà số T gốc còn nợ là 3.740.000đ và không yêu cầu tính lãi. Bà xin được rút yêu cầu tính lãi tại đơn khởi kiện ban đầu.

Việc mua bán quần áo giữa bà và chị N là riêng của hai người. Đối với chồng chị N thì không biết, không liên quan. Vì vậy, bà không yêu cầu chồng chị N phải liên đới cùng chị N trả số T còn nợ nêu trên.

Việc kinh doanh bán hàng với chị N nêu trên là công việc riêng, do bà tự bỏ T riêng để kinh doanh nên không liên quan gì đến chồng và các con. Vì vậy, đề nghị Tòa án không đưa chồng và các con của bà vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Nhưng bà N không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải nhưng bà N đều vắng mặt mà không có lý do nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc bà Nguyễn Thị N phải thanh toán trả cho bà số T gốc còn nợ là 3.740.000đ. Bà xin rút yêu cầu về T lãi.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là bà N chưa thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

- Nội dung giải quyết vụ án: Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị T số T nợ gốc là 3.740.000đ (Ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu về T lãi phát sinh của bà T.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn là bà T có mặt; bị đơn là bà N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ mua bán mặt hàng quần áo giữa bà T và bà N là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Trong thời gian năm 2016 giữa bà T với bà N có thực hiện việc mua bán mặt hàng quần áo với nhau. Việc mua bán, thanh toán T giữa hai bên tiến hành làm nhiều lần, đều được ghi vào sổ theo dõi của bà T. Tính đến ngày 15/8/2016 bà N còn nợ số T gốc là 5.740.000đ. Mặc dù bà T đã đòi nhiều lần nhưng bà N chỉ thanh toán trả được một phần, không thanh toán trả hết. Ngày 22/10/2021 bà T nộp đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu bà N phải thanh toán trả số T gốc và lãi suất phát sinh. HĐXX xác định đây là "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Tuy trong quá trình mua bán mặt hàng quần áo giữa bà T và bà N không lập hợp đồng mua bán bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau. Nhưng việc mua bán, thanh toán trả T đều được ghi chép trong sổ theo dõi của bà T. Đến ngày 15/8/2016 do không mua mặt hàng quần áo của bà T nữa và còn nợ số T gốc là 5.740.000đ. Như vậy, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 16/8/2016.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều không có ý kiến gì về thời hiệu khởi kiện, áp dụng thời hiệu khởi kiện. Đồng thời, bà T có nhiều lần đòi T nhưng bà N chỉ trả được số T 1.000.000đ vào cuối năm 2016 và có bà Liệu là chị dâu trả hộ 1.000.000đ vào năm 2020. Vì vậy, HĐXX xác định bà T có quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 184; Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Về số T nợ gốc: Căn cứ vào sổ theo dõi do bà T cung cấp và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Trong khoảng thời gian năm 2016 giữa bà T với bà N có thực hiện việc mua bán mặt hàng quần áo với nhau. Việc mua bán, thanh toán T giữa hai bên tiến hành làm nhiều lần, được ghi chép vào sổ theo dõi của bà T. Tính đến ngày 15/8/2016 bà N còn nợ số T gốc là 5.740.000đ. Khoảng cuối năm 2016 bà N trả số T 1.000.000đ. Việc mua bán, nợ T, đòi T giữa bà T, bà N có bà Giáp Thị Liễu là chị dâu của bà N chứng kiến và đã trả thay cho bà N số T 1.000.000đ vào khoảng cuối năm 2019. Như vậy, giữa bà T và bà N đã thiết lập quan hệ hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2005 với số T gốc còn nợ là 3.740.000đ. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà N phải thanh toán trả số T gốc còn nợ là có căn cứ được chấp nhận.

Về lãi suất: Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/12/2021 và tại phiên tòa bà T rút

yêu cầu về T lãi, không yêu cầu bà N phải thanh toán trả số T lãi phát sinh. Vì vậy cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thị T theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu toàn bộ T án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà T không phải chịu án phí, hoàn trả bà N số T tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 186; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 427; Điều 428; Điều 431; Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp T án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

**1.** Đình chỉ yêu cầu trả T lãi suất của bà Nguyễn Thị T.

**2.** Về số T nợ gốc: Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị T số T nợ gốc là 3.740.000đ (Ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản T phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản T lãi của số T còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3.** Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu số T 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị T số T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012488 ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

**4.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Sang**